

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2019/HS-PT
Ngày: 27/8/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân.

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Hải;

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Tiên - Thư ký TAND tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện K1 sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:

Bà Hồ Kim Yên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 108/2019/TLPT-HS ngày 24 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo Dương Văn S cùng các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo Dương Văn S, Nguyễn Văn K1 và Nguyễn Văn H và kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-P7 ngày 22/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2019/HS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện PM.

- Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

1. DƯƠNG VĂN S, sinh năm 1976 tại Bình Định; nơi ĐKKHKT: Thôn CT 2, xã MT, huyện PM, tỉnh Bình Định; chỗ ở: Thôn CT 3, xã MT, huyện PM, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Q, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị L (chết); vợ: Trương Thị N, sinh năm 1979; và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. NGUYỄN VĂN K1, sinh năm 1990 tại Bình Định; nơi cư trú: Thôn HHB, xã MT, huyện PM, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 và bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1960; vợ: Nguyễn Thị Q sinh năm 1993; và có 01 người con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/3/2006, bị Công an huyện PM xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản”; bị bắt, tạm giam từ ngày 08/11/2018 đến ngày 31/01/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho bảo lãnh; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

3. NGUYỄN VĂN H, sinh năm 1993 tại tỉnh TTH; nơi cư trú: Thôn SC, xã QL, huyện QĐ, tỉnh TTH; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn N, sinh năm 1967 và bà Hồ Thị G, sinh năm 1967; vợ: Hồ Thị N sinh năm 1995; và có 01 người con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

4. NGUYỄN VĂN K2, sinh năm 1993 tại Bình Định; nơi cư trú: Thôn HHB, xã MT, huyện PM, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 và bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1960; vợ: Phạm Thị Tuyết L sinh năm 1994; và có 01 người con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 24/3/2006, bị Công an huyện PM xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

5. NGUYỄN VĂN B, sinh ngày 25/12/1999 tại Bình Định; nơi ĐKKHKT: Thôn TP 1, xã MT, huyện PM, tỉnh Bình Định; chỗ ở: Thôn CT 3, xã MT, huyện PM, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Vắng mặt.

6. NGUYỄN VĂN Đ, sinh năm 1987 tại Bình Định; nơi cư trú: Thôn Xuân Bình Bắc, xã MT, huyện PM, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 và bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1960; vợ: Trần Thị Thu H sinh năm 1989; và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 22/9/2006, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 32 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 134/2006/HSPT, ngày 04/6/2008 chấp hành xong hình phạt tù; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 13/9/2018, Trần Đình N đến gặp Dương Văn S hỏi mua tôm giống với số tiền 10.000.000 đồng nên S gọi điện thoại cho Nguyễn Văn K1 để K1 liên hệ hỏi thăm công nhân ở trong Công ty cổ phần chăn nuôi C.P.Việt Nam - Chi nhánh Bình Định 3, trại nào có nuôi tôm post thì vào trộm và K1 đồng ý. Nguyễn Văn K1 quen biết với Nguyễn Văn H là nhân viên kỹ thuật nuôi tôm của Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam- Chi nhánh Bình Định 3 nên gọi điện thoại cho H hỏi “Trại nào nuôi tôm post” thì H nói “Trại số 06”, K1 trả lời “ừ, tôi vào làm tí” thì H hiểu rằng K1 sẽ vào trộm tôm post và đồng ý. Sáng ngày 16/9/2018, K1 gọi điện thoại cho Dương Văn S biết trại số 6 có tôm; S nói “vậy tôi nay đi vào trộm tôm post” và bảo K1 gọi thêm người để phụ, tìm xe để chở

hàng; còn việc chuẩn bị các dụng cụ đựng tôm là để S và S rủ Nguyễn Văn B tham gia thì B đồng ý. Nghe vậy, K1 gọi điện thoại cho Nguyễn Văn Đ nói “Tôi nay anh chạy xe ra khu du lịch sinh thái chở hàng” thì Đ hỏi “hàng gì”, K1 trả lời chở tôm đi thôn Hưng Lạc, xã MT và K1 rủ Nguyễn Văn K2 cùng tham gia.

Đến khoảng 22 giờ ngày 16/9/2018, K1, S, B và K2 đến khu du lịch sinh thái của ông Trần Nguyên Thắng cách Công ty cổ phần chăn nuôi C.P.Việt Nam – Chi nhánh Bình Định 3 khoảng 800 mét. Lúc này, K1 và S phân công cho K2 và B xuống mức nước biển lên pha vào thùng phuy. Còn S, K1 cầm theo một bao tải màu đỏ bên trong có bao nylon, cả hai đi bộ dọc theo bờ biển đến tường rào phía Đông, phía sau nhà nuôi tôm post thấy khung lưới B40 có một lỗ hổng. K1 gọi điện thoại cho Nguyễn Văn H hỏi nhân viên ở nhà nuôi tôm số 06 đã ngủ chưa để leo vào trộm thì H trả lời đã ngủ. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn K1 và Dương Văn S dùng cây tre có móc và dây cu-roa nhặt tại bờ biển, chống tựa tường leo vào bên trong rồi đến vị trí nhà nuôi tôm số 06, thấy cửa khép hờ, quan sát không có người mở cửa, nên vào bên trong dùng vợt vớt tôm post bỏ vào bao nylon rồi trèo tường ra ngoài, quay lại chỗ K2 và B đang đợi. K1, S đổ tôm post vào thùng phuy chứa nước biển mà K2 và B đã pha trước đó rồi S vào 19 bao nylon sục khí oxy vào, dùng dây thun cột miệng bao lại. K1 gọi điện thoại cho Nguyễn Văn Đ chạy xe gắn máy ba bánh đến chất 19 bao tôm lên xe và chuyển đi. Trên đường chở đi tiêu thụ thì bị Đoàn Công an MA bắt giữ.

Ngày 20/9/2018, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện PM có văn bản kết luận số 31/KL-HĐĐG xác định 1.272.800 con tôm giống thẻ chân trắng (còn gọi là tôm post), tôm post được 14 ngày tuổi, chiều dài mỗi con là 07mm, có tổng giá trị là 159.100.000 đồng.

Phần dân sự: Đại diện Công ty cổ phần chăn nuôi C.P.Việt Nam – Chi nhánh Bình Định 3 yêu cầu bồi thường 159.100.000 đồng. Các bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K1, Nguyễn Văn K2, Nguyễn Văn Đ, Dương Văn S, Nguyễn Văn B đã tự nguyện nộp tổng cộng số tiền 11.000.000 đồng, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PM, để khắc phục hậu quả.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2019/HS-ST ngày 26/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện PM đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Dương Văn S, Nguyễn Văn K1 và Nguyễn Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Căn cứ vào Đ c Khoản 2 Điều 173; các Đ b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Dương Văn S 18 (*mười tám*) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ vào Đ c Khoản 2 Điều 173; các Đ b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K1 12 (*mười hai*) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành hình phạt tù, nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 08/11/2018 đến ngày 31/01/2019.

3. Căn cứ vào Đ c Khoản 2 Điều 173; các Đ b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 12 (*mười hai*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành hình phạt tù.

4. Căn cứ vào Đ c Khoản 2 Điều 173; các Đ b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 09 (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/4/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Văn B về cho chính quyền địa phương nơi cư trú là UBND xã MT, huyện PM, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn B thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Văn B cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Căn cứ vào Đ c Khoản 2 Điều 173; các Đ b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K2 09 (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/4/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Văn K2 về cho chính quyền địa phương nơi cư trú là UBND xã MT, huyện PM, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn K2 thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Văn K2 cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Văn K2 phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

6. Căn cứ vào Đ c Khoản 2 Điều 173; các Đ b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 09 (*chín*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/4/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ về cho chính quyền địa phương nơi cư trú là UBND xã MT, huyện PM, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn Đ thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Văn Đ cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Văn K2 phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về bồi thường thiệt hại, các biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 06/5/2019 bị cáo Dương Văn S kháng cáo xin hưởng án treo.

- Ngày 07/5/2019 bị cáo Nguyễn Văn K1, Nguyễn Văn H kháng cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo.

- Ngày 22/5/2019 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định ra quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-P7 đề nghị tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng áp dụng thêm điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; tăng hình phạt đối với các bị cáo Dương Văn S, Nguyễn Văn K1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn K2 và Nguyễn Văn Đ; không cho các bị cáo Nguyễn Văn K2 và Nguyễn Văn Đ hưởng án treo.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đề nghị quan Đ giải quyết vụ án: Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Dương Văn S, Nguyễn Văn K1, Nguyễn Văn H. Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Đ a, c khoản 2 Điều 173 BLHS; tăng hình phạt đối với các bị cáo Dương Văn S, Nguyễn Văn K1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn K2 và Nguyễn Văn Đ.

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn S 21 tháng tù; bị cáo Nguyễn Văn K1 21 tháng tù; bị cáo Nguyễn Văn H 15 tháng tù; bị cáo Nguyễn Văn B 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách; bị cáo Nguyễn Văn K2 12 tháng tù; bị cáo Nguyễn Văn Đ 12 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có đủ căn cứ xác định: Ngày 16/9/2018 các bị cáo Dương văn S, Nguyễn Văn K1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K2, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Đ lén lút trộm 1.272.800 con tôm giống thẻ chân trắng (còn gọi là tôm post), có tổng giá trị là 159.100.000 đồng. Do đó án sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo yêu cầu giảm hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 13/9/2018 bị cáo Dương Văn S và bị cáo Nguyễn Văn K1 thống nhất với nhau đi trộm tôm giống để bán cho Trần Đình Nghiệp. Bị cáo K1 tìm cách liên hệ với Nguyễn Văn H là nhân viên kỹ thuật nuôi tôm của Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam- Chi nhánh Bình Định 3 và rủ bị cáo H cùng tham gia trộm tôm giống của Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam- Chi nhánh Bình Định 3, H đồng ý. Bị cáo K1 còn rủ bị cáo Nguyễn Văn K2 (em ruột),

Nguyễn Văn Đ (anh ruột) của bị cáo cùng tham gia. Bị cáo S rủ bị cáo Nguyễn Văn B tham gia trộm tôm giống, B đồng ý. Sau khi bàn bạc phương thức trộm tôm giống, ngày 16/9/2018, các bị cáo S, K1, B, K2 đến Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam- Chi nhánh Bình Định 3, S, K1 phân công bị cáo K2 và B xuống mức nước biển lên pha vào thùng phuy. Còn S, K1 cầm theo một bao tải màu đỏ bên trong có bao nylon, cả hai đi bộ dọc theo bờ biển đến tường rào phía Đông, phía sau nhà nuôi tôm post thấy khung lưới B40 có một lỗ hổng. Sau khi H báo tin cho K1 biết nhân viên ở nhà nuôi tôm số 06 đã ngủ thì S và K1 trèo tường vào bên trong rồi đến vị trí nhà nuôi tôm số 06, dùng vợt vớt tôm post bỏ vào bao nylon rồi trèo tường ra ngoài, quay lại chỗ K2 và B đang đợi. K1, S đổ tôm post vào thùng phuy chứa nước biển mà K2 và B đã pha trước đó rồi S vào 19 bao nylon sục khí oxy vào, dùng dây thun cột miệng bao lại. K1 gọi điện thoại cho Nguyễn Văn Đ chạy xe gắn máy ba bánh đến chốt 19 bao tôm lên xe và chuyển đi.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có sự bàn bạc, chuẩn bị, móc nối, phân công nhiệm vụ cụ thể, mỗi bị cáo đều có một nhiệm vụ nhất định. Như vậy hành vi phạm tội của các bị cáo có tổ chức nên đã phạm tội với tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 BLHS nhưng cấp sơ thẩm nhận định các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, chỉ là đồng phạm giản đơn nên không truy tố xét xử các bị cáo với tình tiết định khung “có tổ chức” là không chính xác.

Các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS có khung hình phạt từ 02 đến 07 năm tù nhưng cấp sơ thẩm đánh giá không đúng tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, quá nhân mạnh đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xử phạt các bị cáo đều dưới mức khởi điểm của khung hình phạt là không tương xứng với hành vi, mức độ, hậu quả mà các bị cáo gây ra.

Trong vụ án này, bị cáo S và K1 có vai trò như nhau nhưng mức án của bị cáo K1 lại thấp hơn bị cáo S và ngang bằng với bị cáo H là chưa phù hợp. Các bị cáo K2, Đ có nhân thân xấu nhưng cấp sơ thẩm xét xử cho các bị cáo K2, Đ hưởng án treo là trái với Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15.5.2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Văn S, Nguyễn Văn K1, Nguyễn Văn H. Chấp nhận kháng nghị của Viện K1 sát nhân dân tỉnh Bình Định, xử tăng hình phạt đối với các bị cáo. Tuy nhiên, trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, các bị cáo Dương văn S, Nguyễn Văn K1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn K2, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Đ đã nộp thêm tiền bồi thường khắc phục hậu quả, trong đó các bị cáo S, H, K1 đã nộp toàn bộ số tiền bồi thường khắc phục hậu quả, bị cáo Nguyễn Văn B nộp 5.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn K2 mỗi bị cáo nộp 3.000.000 đồng. Đây là tình tiết mới phát sinh làm căn cứ để hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[3] Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo Dương Văn S, Nguyễn Văn K1, Nguyễn Văn H không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào Đ a, b khoản 1 Điều 355; Đ a, d khoản 2 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Văn S, Nguyễn Văn K1, Nguyễn Văn H; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định; Sửa bản án sơ thẩm.

1. Căn cứ vào Đ a, c khoản 2 Điều 173; Đ b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Dương Văn S 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Căn cứ vào Đ a, c khoản 2 Điều 173; Đ b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K1 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 08/11/2018 đến ngày 31/01/2019.

3. Căn cứ vào Đ a, c khoản 2 Điều 173; Đ b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

4. Căn cứ vào Đ a, c Khoản 2 Điều 173; các Đ b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/4/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Văn B về cho chính quyền địa phương nơi cư trú là UBND xã MT, huyện PM, tỉnh Bình Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn B thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Văn B cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Căn cứ vào Đ a, c Khoản 2 Điều 173; các Đ b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K2 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

6. Căn cứ vào Đ a, c Khoản 2 Điều 173; các Đ b, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Tạm giữ số tiền 23.600.000đ bị cáo Dương Văn S đã nộp theo biên lai thu số 05121 ngày 13/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PM để đảm bảo thi hành án.

Tạm giữ số tiền 5.000.000đ bị cáo Nguyễn Văn B đã nộp theo biên lai thu số 05120 ngày 13/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PM để đảm bảo thi hành án.

Tạm giữ số tiền 24.500.000đ bị cáo Nguyễn Văn H đã nộp theo biên lai thu số 05122 ngày 24/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PM để đảm bảo thi hành án.

Tạm giữ số tiền 24.500.000đ bị cáo Nguyễn Văn K1 đã nộp theo biên lai thu số 05128 ngày 22/7/2019; biên lai thu số 05123 ngày 02/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PM để đảm bảo thi hành án.

Tạm giữ số tiền 3.000.000đ bị cáo Nguyễn Văn K2 đã nộp theo biên lai thu số 05124 ngày 02/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PM để đảm bảo thi hành án.

Tạm giữ số tiền 3.000.000đ bị cáo Nguyễn Văn Đ đã nộp theo biên lai thu số 05125 ngày 02/7/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PM để đảm bảo thi hành án.

[2] Về án phí: Các bị cáo Dương Văn S, Nguyễn Văn K1, Nguyễn Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- Vụ GDKT.1 TANDTC;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TA, VKS, CQĐT Công an huyện PM;
- Cơ quan THAHS Công an huyện PM;
- Chi cục THADS huyện PM;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Bình Định;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hoài Xuân